

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Số: /TBTKB -TĐHHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO
THỜI KHÓA BIỂU CÁC HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH - HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026
Áp dụng cho sinh viên đại học chính quy khóa 15, sinh viên học lại

1. Quy định về thời gian giảng dạy:

- *Sáng:

 - Tiết 1: 07h00 - 07h50
 - Tiết 2: 07h55 - 08h45
 - Tiết 3: 08h50 - 09h40
 - Tiết 4: 09h50 - 10h40
 - Tiết 5: 10h45 - 11h35
- *Chiều:

 - Tiết 6: 12h30 - 13h20
 - Tiết 7: 13h25 - 14h15
 - Tiết 8: 14h20 - 15h10
 - Tiết 9: 15h20 - 16h10
 - Tiết 10: 16h15 - 17h05

2. Các ngày nghỉ lễ:

- Nghỉ tết dương lịch: Ngày 01/01/2026

3. Quy định về chữ viết tắt:

- TC: Tin chi

- LT: Lý thuyết

- LTTH: Lý thuyết kết hợp thực hành
- P11: Phòng 11 - Phân Hiệu Trường tại tỉnh Thanh Hóa

- SVD: Sân vận động - Phân Hiệu Trường tại tỉnh Thanh Hóa

- 1,2,3,4,: Tiết 1,2,3,4

4. Thời khóa biểu:

STT	Tên học phần	Lớp học phần	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần													
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ nhật	Phòng học
1	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 1 - Lớp 01	2	LT	30	0	1	06/10 - 12/10/25	PHẠM ĐÌNH TÂM (20.012.GV)			1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,6,7	Phòng 11				
2	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 1 - Lớp 02	2	LT	30	0	1	06/10 - 12/10/25	LÊ ĐỨC THIÊN (20.015.GV)			1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,7,8	Phòng 12				
3	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 1 - Lớp 03	2	LT	30	0	1	06/10 - 12/10/25	NGUYỄN ĐÌNH TÚ (20.025.GV)			1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,6,7	Phòng 13				
4	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 1 - Lớp 04	2	LT	30	0	1	20/10 - 26/10/25	TRỊNH NGỌC THÀNH (20.026.GV)	6,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 15	1,2,3	Phòng 15				
5	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 1 - Lớp 05	2	LT	30	0	1	20/10 - 26/10/25	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)	6,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 16	1,2,3	Phòng 16				
6	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 1 - Lớp 06	2	LT	30	0	1	20/10 - 26/10/25	ĐÀO VĂN MINH (99.024.TG)	6,7,8	Phòng học10	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 10	1,2,3	Phòng học10				
7	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 2 - Lớp 07	2	LT	30	0	1	03/11 - 09/11/25	LÊ ĐÌNH NAM (20.008.GV)			1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,6,7	Phòng 11				
8	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 2 - Lớp 08	2	LT	30	0	1	03/11 - 09/11/25	TIẾN THỊ MAI (20.007.GV)			1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,6,7	Phòng 12				
9	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 2 - Lớp 09	2	LT	30	0	1	03/11 - 09/11/25	NGUYỄN ĐÌNH TÚ (20.025.GV)			1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,6,7	Phòng 13				
10	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 2 - Lớp 10	2	LT	30	0	1	17/11 - 23/11/25	TRỊNH NGỌC THÀNH (20.026.GV)	6,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 15	1,2,3	Phòng 15				
11	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 2 - Lớp 11	2	LT	30	0	1	17/11 - 23/11/25	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)	6,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 16	1,2,3	Phòng 16				
12	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 2 - Lớp 12	2	LT	30	0	1	17/11 - 23/11/25	ĐÀO VĂN MINH (99.024.TG)	6,7,8	Phòng học10	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5,6,7,8	Phòng 10	1,2,3	Phòng học10				

STT	Tên học phần	Lớp học phần	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần													
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ nhật	Phòng học
13	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 3- Lớp 13	2	LT	30	0	1	01/12 - 07/12/25	PHẠM ĐÌNH TÂM (20.012.GV)			1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 11	1,2,3,4;6,7	Phòng 11				
14	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 3- Lớp 14	2	LT	30	0	1	01/12 - 07/12/25	NGUYỄN ĐỨC DÂN (20.028.GV)			1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 12	1,2,3,4;6,7	Phòng 12				
15	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 3- Lớp 15	2	LT	30	0	1	01/12 - 07/12/25	LÊ ĐỨC THIÊN (20.015.GV)			1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 13	1,2,3,4;6,7	Phòng 13				
16	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 3- Lớp 16	2	LT	30	0	1	15/12 - 21/12/25	BÙI TIẾN TRINH (20.029.GV)	6,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 15	1,2,3	Phòng 15				
17	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 3- Lớp 17	2	LT	30	0	1	15/12 - 21/12/25	NGUYỄN ĐÌNH TÚ (20.025.GV)	6,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 16	1,2,3	Phòng 16				
18	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 3- Lớp 18	2	LT	30	0	1	15/12 - 21/12/25	ĐÀO VĂN MINH (99.024.TG)	6,7,8	Phòng học10	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 10	1,2,3	Phòng học10				
19	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 4- Lớp 19	2	LT	30	0	1	29/12 - 04/01/26	LÊ ĐÌNH NAM (20.008.GV)			1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 11		1,2,3,4;6,7	Phòng 11			1,2,3,4,5; 6,7,8	Phòng 11	
20	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 4- Lớp 20	2	LT	30	0	1	29/12 - 04/01/26	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)			1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 12		1,2,3,4;6,7	Phòng 12			1,2,3,4,5; 6,7,8	Phòng 12	
21	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 4- Lớp 21	2	LT	30	0	1	29/12 - 04/01/26	TRINH NGOC THANH (20.026.GV)			1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 13		1,2,3,4;6,7	Phòng 13			1,2,3,4,5; 6,7,8	Phòng 13	
22	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 4- Lớp 22	2	LT	30	0	1	12/01 - 18/01/26	TIẾN THỊ MAI (20.007.GV)	6,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 15	1,2,3	Phòng 15				
23	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 4- Lớp 23	2	LT	30	0	1	12/01 - 18/01/26	BÙI TIẾN TRINH (20.029.GV)	6,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 16	1,2,3	Phòng 16				
24	Công tác quốc phòng và an ninh	Đợt 4- Lớp 24	2	LT	30	0	1	12/01 - 18/01/26	ĐÀO VĂN MINH (99.024.TG)	6,7,8	Phòng học10	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 10	1,2,3	Phòng học10				
25	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 1 - Lớp 01	3	LT	45	0	1	29/09 - 05/10/25	PHẠM ĐÌNH TÂM (20.012.GV)	6,7,8,9,10	Phòng 11	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 11				
26	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 1 - Lớp 01	3	LT	45	0	1	06/10 - 12/10/25	PHẠM ĐÌNH TÂM (20.012.GV)	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 11												
27	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 1 - Lớp 02	3	LT	45	0	1	29/09 - 05/10/25	LÊ ĐỨC THIÊN (20.015.GV)	6,7,8,9,10	Phòng 12	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 12				
28	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 1 - Lớp 02	3	LT	45	0	1	06/10 - 12/10/25	LÊ ĐỨC THIÊN (20.015.GV)	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 12												
29	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 1 - Lớp 03	3	LT	45	0	1	29/09 - 05/10/25	NGUYỄN ĐÌNH TÚ (20.025.GV)	6,7,8,9,10	Phòng 13	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 13				
30	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 1 - Lớp 03	3	LT	45	0	1	06/10 - 12/10/25	NGUYỄN ĐÌNH TÚ (20.025.GV)	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 13												
31	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 1 - Lớp 04	3	LT	45	0	1	13/10 - 19/10/25	TRINH NGOC THANH (20.026.GV)	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 15				
32	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 1 - Lớp 04	3	LT	45	0	1	20/10 - 26/10/25	TRINH NGOC THANH (20.026.GV)	1,2,3,4,5	Phòng 15												
33	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 1 - Lớp 05	3	LT	45	0	1	13/10 - 19/10/25	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 16				
34	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 1 - Lớp 05	3	LT	45	0	1	20/10 - 26/10/25	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)	1,2,3,4,5	Phòng 16												
35	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 1 - Lớp 06	3	LT	45	0	1	13/10 - 19/10/25	ĐÀO VĂN MINH (99.024.TG)	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5;6 ,7,8	Phòng 10				

STT	Tên học phần	Lớp học phần	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần												
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ nhật
36	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 1- Lớp 06	3	LT	45	0	1	20/10 - 26/10/25	ĐÀO VĂN MINH (99.024.TG)	1,2,3,4,5	Phòng học10											
37	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 2- Lớp 07	3	LT	45	0	1	27/10 - 02/11/25	LÊ ĐÌNH NAM (20.008.GV)	6,7,8,9,10	Phòng 11	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 11			
38	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 2- Lớp 07	3	LT	45	0	1	03/11 - 09/11/25	LÊ ĐÌNH NAM (20.008.GV)	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 11											
39	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 2- Lớp 08	3	LT	45	0	1	27/10 - 02/11/25	TIỀN THỊ MAI (20.007.GV)	6,7,8,9,10	Phòng 12	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 12			
40	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 2- Lớp 08	3	LT	45	0	1	03/11 - 09/11/25	TIỀN THỊ MAI (20.007.GV)	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 12											
41	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 2- Lớp 09	3	LT	45	0	1	27/10 - 02/11/25	NGUYỄN ĐÌNH TÚ (20.025.GV)	6,7,8,9,10	Phòng 13	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 13			
42	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 2- Lớp 09	3	LT	45	0	1	03/11 - 09/11/25	NGUYỄN ĐÌNH TÚ (20.025.GV)	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 13											
43	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 2- Lớp 10	3	LT	45	0	1	10/11 - 16/11/25	TRỊNH NGỌC THÀNH (20.026.GV)	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 15			
44	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 2- Lớp 10	3	LT	45	0	1	17/11 - 23/11/25	TRỊNH NGỌC THÀNH (20.026.GV)	1,2,3,4,5	Phòng 15											
45	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 2- Lớp 11	3	LT	45	0	1	10/11 - 16/11/25	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 16			
46	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 2- Lớp 11	3	LT	45	0	1	17/11 - 23/11/25	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)	1,2,3,4,5	Phòng 16											
47	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 2- Lớp 12	3	LT	45	0	1	10/11 - 16/11/25	ĐÀO VĂN MINH (99.024.TG)	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 10			
48	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 2- Lớp 12	3	LT	45	0	1	17/11 - 23/11/25	ĐÀO VĂN MINH (99.024.TG)	1,2,3,4,5	Phòng học10											
49	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 3- Lớp 13	3	LT	45	0	1	24/11 - 30/11/25	PHẠM ĐÌNH TÂM (20.012.GV)	6,7,8,9,10	Phòng 11	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 11			
50	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 3- Lớp 13	3	LT	45	0	1	01/12 - 07/12/25	PHẠM ĐÌNH TÂM (20.012.GV)	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 11											
51	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 3- Lớp 14	3	LT	45	0	1	24/11 - 30/11/25	NGUYỄN ĐỨC DÂN (20.028.GV)	6,7,8,9,10	Phòng 12	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 12			
52	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 3- Lớp 14	3	LT	45	0	1	01/12 - 07/12/25	NGUYỄN ĐỨC DÂN (20.028.GV)	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 12											
53	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 3- Lớp 15	3	LT	45	0	1	24/11 - 30/11/25	LÊ ĐỨC THIÊN (20.015.GV)	6,7,8,9,10	Phòng 13	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 13			
54	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 3- Lớp 15	3	LT	45	0	1	01/12 - 07/12/25	LÊ ĐỨC THIÊN (20.015.GV)	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 13											
55	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 3- Lớp 16	3	LT	45	0	1	08/12 - 14/12/25	BÙI TIẾN TRINH (20.029.GV)	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 15			
56	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 3- Lớp 16	3	LT	45	0	1	15/12 - 21/12/25	BÙI TIẾN TRINH (20.029.GV)	1,2,3,4,5	Phòng 15											
57	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 3- Lớp 17	3	LT	45	0	1	08/12 - 14/12/25	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 16			
58	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 3- Lớp 17	3	LT	45	0	1	15/12 - 21/12/25	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)	1,2,3,4,5	Phòng 16											

STT	Tên học phần	Lớp học phần	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần													
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ nhật	Phòng học
59	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 3- Lớp 18	3	LT	45	0	1	08/12 - 14/12/25	ĐÀO VĂN MINH (99.024.TG)	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 10				
60	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 3- Lớp 18	3	LT	45	0	1	15/12 - 21/12/25	ĐÀO VĂN MINH (99.024.TG)	1,2,3,4,5	Phòng học10												
61	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 4- Lớp 19	3	LT	45	0	1	22/12 - 28/12/25	LÊ ĐÌNH NAM (20.008.GV)	6,7,8,9,10	Phòng 11	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 11	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 11				
62	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 4- Lớp 19	3	LT	45	0	1	29/12 - 04/01/26	LÊ ĐÌNH NAM (20.008.GV)	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 11												
63	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 4- Lớp 20	3	LT	45	0	1	22/12 - 28/12/25	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)	6,7,8,9,10	Phòng 12	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 12	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 12				
64	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 4- Lớp 20	3	LT	45	0	1	29/12 - 04/01/26	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 12												
65	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 4- Lớp 21	3	LT	45	0	1	22/12 - 28/12/25	TRỊNH NGỌC THÀNH (20.026.GV)	6,7,8,9,10	Phòng 13	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 13	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 13				
66	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 4- Lớp 21	3	LT	45	0	1	29/12 - 04/01/26	TRỊNH NGỌC THÀNH (20.026.GV)	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 13												
67	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 4- Lớp 22	3	LT	45	0	1	05/01 - 11/01/26	TIỀN THỊ MAI (20.007.GV)	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 15	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 15				
68	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 4- Lớp 22	3	LT	45	0	1	12/01 - 18/01/26	TIỀN THỊ MAI (20.007.GV)	1,2,3,4,5	Phòng 15												
69	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 4- Lớp 23	3	LT	45	0	1	05/01 - 11/01/26	BÙI TIẾN TRINH (20.029.GV)	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 16	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 16				
70	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 4- Lớp 23	3	LT	45	0	1	12/01 - 18/01/26	BÙI TIẾN TRINH (20.029.GV)	1,2,3,4,5	Phòng 16												
71	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 4- Lớp 24	3	LT	45	0	1	05/01 - 11/01/26	ĐÀO VĂN MINH (99.024.TG)	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 10	1,2,3,4,5;6,7,8	Phòng 10				
72	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đợt 4- Lớp 24	3	LT	45	0	1	12/01 - 18/01/26	ĐÀO VĂN MINH (99.024.TG)	1,2,3,4,5	Phòng học10												
73	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 1- Lớp 01	2	TH	4	56	1	13/10 - 19/10/25	LÊ ĐÌNH NAM (20.008.GV)							1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD				
74	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 1- Lớp 01	2	TH	4	56	1	20/10 - 26/10/25	LÊ ĐÌNH NAM (20.008.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD				
75	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 1- Lớp 02	2	TH	4	56	1	13/10 - 19/10/25	LÊ ĐỨC THIÊN (20.015.GV)							1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD				
76	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 1- Lớp 02	2	TH	4	56	1	20/10 - 26/10/25	LÊ ĐỨC THIÊN (20.015.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD				
77	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 1- Lớp 03	2	TH	4	56	1	13/10 - 19/10/25	NGUYỄN ĐÌNH TÚ (20.025.GV)							1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD				
78	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 1- Lớp 03	2	TH	4	56	1	20/10 - 26/10/25	NGUYỄN ĐÌNH TÚ (20.025.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD				
79	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 1- Lớp 04	2	TH	4	56	1	29/09 - 05/10/25	TRỊNH NGỌC THÀNH (20.026.GV)								4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD			
80	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 1- Lớp 04	2	TH	4	56	1	06/10 - 12/10/25	TRỊNH NGỌC THÀNH (20.026.GV)	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4;6,7,8	SVD		
81	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 1- Lớp 05	2	TH	4	56	1	29/09 - 05/10/25	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)								4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD			

STT	Tên học phần	Lớp học phần	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần													
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ nhật	Phòng học
82	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 1- Lớp 05	2	TH	4	56	1	06/10 - 12/10/25	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,6;7,8	SVD		
83	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 1- Lớp 06	2	TH	4	56	1	29/09 - 05/10/25	Nguyễn Xuân Hùng (99.016.TG)							4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD				
84	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 1- Lớp 06	2	TH	4	56	1	06/10 - 12/10/25	Nguyễn Xuân Hùng (99.016.TG)	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4;6,7,8	SVD		
85	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 2- Lớp 07	2	TH	4	56	1	10/11 - 16/11/25	PHẠM ĐÌNH TÂM (20.012.GV)						1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD					
86	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 2- Lớp 07	2	TH	4	56	1	17/11 - 23/11/25	PHẠM ĐÌNH TÂM (20.012.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD				
87	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 2- Lớp 08	2	TH	4	56	1	10/11 - 16/11/25	TIẾN THỊ MAI (20.007.GV)						1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD					
88	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 2- Lớp 08	2	TH	4	56	1	17/11 - 23/11/25	TIẾN THỊ MAI (20.007.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD				
89	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 2- Lớp 09	2	TH	4	56	1	10/11 - 16/11/25	NGUYỄN ĐÌNH TÚ (20.025.GV)						1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD					
90	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 2- Lớp 09	2	TH	4	56	1	17/11 - 23/11/25	NGUYỄN ĐÌNH TÚ (20.025.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD				
91	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 2- Lớp 10	2	TH	4	56	1	27/10 - 02/11/25	TRỊNH NGỌC THÀNH (20.026.GV)							4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD				
92	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 2- Lớp 10	2	TH	4	56	1	03/11 - 09/11/25	TRỊNH NGỌC THÀNH (20.026.GV)	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4;6,7,8	SVD		
93	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 2- Lớp 11	2	TH	4	56	1	27/10 - 02/11/25	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)							4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD				
94	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 2- Lớp 11	2	TH	4	56	1	03/11 - 09/11/25	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4;6,7,8	SVD		
95	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 2- Lớp 12	2	TH	4	56	1	27/10 - 02/11/25	Nguyễn Xuân Hùng (99.016.TG)							4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD				
96	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 2- Lớp 12	2	TH	4	56	1	03/11 - 09/11/25	Nguyễn Xuân Hùng (99.016.TG)	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4;6,7,8	SVD		
97	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 3- Lớp 13	2	TH	4	56	1	08/12 - 14/12/25	LÊ ĐÌNH NAM (20.008.GV)						1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD					
98	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 3- Lớp 13	2	TH	4	56	1	15/12 - 21/12/25	LÊ ĐÌNH NAM (20.008.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD				
99	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 3- Lớp 14	2	TH	4	56	1	08/12 - 14/12/25	NGUYỄN ĐỨC DÂN (20.028.GV)						1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD					
100	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 3- Lớp 14	2	TH	4	56	1	15/12 - 21/12/25	NGUYỄN ĐỨC DÂN (20.028.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD				
101	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 3- Lớp 15	2	TH	4	56	1	08/12 - 14/12/25	LÊ ĐỨC THIÊN (20.015.GV)						1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD					
102	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 3- Lớp 15	2	TH	4	56	1	15/12 - 21/12/25	LÊ ĐỨC THIÊN (20.015.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD				
103	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 3- Lớp 16	2	TH	4	56	1	24/11 - 30/11/25	BÙI TIẾN TRINH (20.029.GV)							4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD				
104	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 3- Lớp 16	2	TH	4	56	1	01/12 - 07/12/25	BÙI TIẾN TRINH (20.029.GV)	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4;6,7,8	SVD		

STT	Tên học phần	Lớp học phần	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần													
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ nhật	Phòng học
105	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 3- Lớp 17	2	TH	4	56	1	24/11 - 30/11/25	NGUYỄN ĐÌNH TÚ (20.025.GV)								4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD			
106	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 3- Lớp 17	2	TH	4	56	1	01/12 - 07/12/25	NGUYỄN ĐÌNH TÚ (20.025.GV)	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4;6,7,8	SVD		
107	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 3- Lớp 18	2	TH	4	56	1	24/11 - 30/11/25	Nguyễn Xuân Hùng (99.016.TG)								4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD			
108	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 3- Lớp 18	2	TH	4	56	1	01/12 - 07/12/25	Nguyễn Xuân Hùng (99.016.TG)	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4;6,7,8	SVD		
109	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 4- Lớp 19	2	TH	4	56	1	05/01 - 11/01/26	PHẠM ĐÌNH TÂM (20.012.GV)						1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD					
110	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 4- Lớp 19	2	TH	4	56	1	12/01 - 18/01/26	PHẠM ĐÌNH TÂM (20.012.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD				
111	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 4- Lớp 20	2	TH	4	56	1	05/01 - 11/01/26	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)						1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD					
112	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 4- Lớp 20	2	TH	4	56	1	12/01 - 18/01/26	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD				
113	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 4- Lớp 21	2	TH	4	56	1	05/01 - 11/01/26	TRỊNH NGỌC THÀNH (20.026.GV)						1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD					
114	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 4- Lớp 21	2	TH	4	56	1	12/01 - 18/01/26	TRỊNH NGỌC THÀNH (20.026.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD				
115	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 4- Lớp 22	2	TH	4	56	1	22/12 - 28/12/25	TIỀN THỊ MAI (20.007.GV)								4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD			
116	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 4- Lớp 22	2	TH	4	56	1	29/12 - 04/01/26	TIỀN THỊ MAI (20.007.GV)	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD		1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	
117	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 4- Lớp 23	2	TH	4	56	1	22/12 - 28/12/25	BÙI TIỀN TRINH (20.029.GV)								4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD			
118	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 4- Lớp 23	2	TH	4	56	1	29/12 - 04/01/26	BÙI TIỀN TRINH (20.029.GV)	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD		1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	
119	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 4- Lớp 24	2	TH	4	56	1	22/12 - 28/12/25	Nguyễn Xuân Hùng (99.016.TG)								4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD			
120	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Đợt 4- Lớp 24	2	TH	4	56	1	29/12 - 04/01/26	Nguyễn Xuân Hùng (99.016.TG)	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD		1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	
121	Quản sự chung	Đợt 1- Lớp 01	2	TH	14	16	1	06/10 - 12/10/25	LÊ ĐÌNH NAM (20.008.GV)										1,2,3,4	SVD			
122	Quản sự chung	Đợt 1- Lớp 01	2	TH	14	16	1	13/10 - 19/10/25	LÊ ĐÌNH NAM (20.008.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD								
123	Quản sự chung	Đợt 1- Lớp 02	2	TH	14	16	1	06/10 - 12/10/25	LÊ ĐỨC THIÊN (20.015.GV)										1,2,3,4	SVD			
124	Quản sự chung	Đợt 1- Lớp 02	2	TH	14	16	1	13/10 - 19/10/25	LÊ ĐỨC THIÊN (20.015.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD								
125	Quản sự chung	Đợt 1- Lớp 03	2	TH	14	16	1	06/10 - 12/10/25	NGUYỄN ĐÌNH TÚ (20.025.GV)										1,2,3,4	SVD			
126	Quản sự chung	Đợt 1- Lớp 03	2	TH	14	16	1	13/10 - 19/10/25	NGUYỄN ĐÌNH TÚ (20.025.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD								
127	Quản sự chung	Đợt 1- Lớp 04	2	TH	14	16	1	29/09 - 05/10/25	TRỊNH NGỌC THÀNH (20.026.GV)	6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3	SVD				

STT	Tên học phần	Lớp học phần	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần													
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ nhật	Phòng học
128	Quản sự chung	Đợt 1- Lớp 05	2	TH	14	16	1	29/09 - 05/10/25	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)	6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3	SVD						
129	Quản sự chung	Đợt 1- Lớp 06	2	TH	14	16	1	29/09 - 05/10/25	Nguyễn Xuân Hùng (99.016.TG)	6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3	SVD						
130	Quản sự chung	Đợt 2- Lớp 07	2	TH	14	16	1	03/11 - 09/11/25	PHẠM ĐÌNH TÂM (20.012.GV)									1,2,3,4	SVD				
131	Quản sự chung	Đợt 2- Lớp 07	2	TH	14	16	1	10/11 - 16/11/25	PHẠM ĐÌNH TÂM (20.012.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD								
132	Quản sự chung	Đợt 2- Lớp 08	2	TH	14	16	1	03/11 - 09/11/25	TIỀN THỊ MAI (20.007.GV)									1,2,3,4	SVD				
133	Quản sự chung	Đợt 2- Lớp 08	2	TH	14	16	1	10/11 - 16/11/25	TIỀN THỊ MAI (20.007.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD								
134	Quản sự chung	Đợt 2- Lớp 09	2	TH	14	16	1	03/11 - 09/11/25	NGUYỄN ĐÌNH TÚ (20.025.GV)									1,2,3,4	SVD				
135	Quản sự chung	Đợt 2- Lớp 09	2	TH	14	16	1	10/11 - 16/11/25	NGUYỄN ĐÌNH TÚ (20.025.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD								
136	Quản sự chung	Đợt 2- Lớp 10	2	TH	14	16	1	27/10 - 02/11/25	TRỊNH NGỌC THÀNH (20.026.GV)	6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3	SVD						
137	Quản sự chung	Đợt 2- Lớp 11	2	TH	14	16	1	27/10 - 02/11/25	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)	6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3	SVD						
138	Quản sự chung	Đợt 2- Lớp 12	2	TH	14	16	1	27/10 - 02/11/25	Nguyễn Xuân Hùng (99.016.TG)	6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3	SVD						
139	Quản sự chung	Đợt 3- Lớp 13	2	TH	14	16	1	01/12 - 07/12/25	LÊ ĐÌNH NAM (20.008.GV)									1,2,3,4	SVD				
140	Quản sự chung	Đợt 3- Lớp 13	2	TH	14	16	1	08/12 - 14/12/25	LÊ ĐÌNH NAM (20.008.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD								
141	Quản sự chung	Đợt 3- Lớp 14	2	TH	14	16	1	01/12 - 07/12/25	NGUYỄN ĐỨC DÂN (20.028.GV)									1,2,3,4	SVD				
142	Quản sự chung	Đợt 3- Lớp 14	2	TH	14	16	1	08/12 - 14/12/25	NGUYỄN ĐỨC DÂN (20.028.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD								
143	Quản sự chung	Đợt 3- Lớp 15	2	TH	14	16	1	01/12 - 07/12/25	LÊ ĐỨC THIÊN (20.015.GV)									1,2,3,4	SVD				
144	Quản sự chung	Đợt 3- Lớp 15	2	TH	14	16	1	08/12 - 14/12/25	LÊ ĐỨC THIÊN (20.015.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD								
145	Quản sự chung	Đợt 3- Lớp 16	2	TH	14	16	1	24/11 - 30/11/25	BÙI TIỀN TRINH (20.029.GV)	6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3	SVD						
146	Quản sự chung	Đợt 3- Lớp 17	2	TH	14	16	1	24/11 - 30/11/25	NGUYỄN ĐÌNH TÚ (20.025.GV)	6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3	SVD						
147	Quản sự chung	Đợt 3- Lớp 18	2	TH	14	16	1	24/11 - 30/11/25	Nguyễn Xuân Hùng (99.016.TG)	6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3	SVD						
148	Quản sự chung	Đợt 4- Lớp 19	2	TH	14	16	1	29/12 - 04/01/26	PHẠM ĐÌNH TÂM (20.012.GV)									1,2,3,4	SVD				
149	Quản sự chung	Đợt 4- Lớp 19	2	TH	14	16	1	05/01 - 11/01/26	PHẠM ĐÌNH TÂM (20.012.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD								
150	Quản sự chung	Đợt 4- Lớp 20	2	TH	14	16	1	29/12 - 04/01/26	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)									1,2,3,4	SVD				

STT	Tên học phần	Lớp học phần	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần													
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ nhật	Phòng học
151	Quản sự chung	Đợt 4- Lớp 20	2	TH	14	16	1	05/01 - 11/01/26	NGUYỄN MINH ĐỨC (20.033.TG)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD								
152	Quản sự chung	Đợt 4- Lớp 21	2	TH	14	16	1	29/12 - 04/01/26	TRỊNH NGỌC THÀNH (20.026.GV)										1,2,3,4	SVD			
153	Quản sự chung	Đợt 4- Lớp 21	2	TH	14	16	1	05/01 - 11/01/26	TRỊNH NGỌC THÀNH (20.026.GV)	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4,5;7,8,9,10	SVD	1,2,3,4;7,8,9,10	SVD								
154	Quản sự chung	Đợt 4- Lớp 22	2	TH	14	16	1	22/12 - 28/12/25	TIẾN THỊ MAI (20.007.GV)	6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3	SVD				
155	Quản sự chung	Đợt 4- Lớp 23	2	TH	14	16	1	22/12 - 28/12/25	BÙI TIẾN TRINH (20.029.GV)	6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3	SVD				
156	Quản sự chung	Đợt 4- Lớp 24	2	TH	14	16	1	22/12 - 28/12/25	Nguyễn Xuân Hùng (99.016.TG)	6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3,4,5;6,7,8	SVD	1,2,3	SVD				

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc giảng viên, sinh viên liên hệ thầy Trần Ánh Dương (Cán bộ phòng Đào tạo), Số điện thoại: 0973750090 để được hỗ trợ

Nơi nhận:

- PHT. Vũ Danh Tuyên;
- Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường;
- Phân hiệu Trường tại tỉnh Thanh Hóa ;
- Công thông tin sinh viên;
- Lưu: VT, ĐT.TD (2)

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Anh Huy